TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12-01-2024
V/v tranh chấp HNGĐ- ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Võ Hoàng Nguyên;
Ông Nguyễn Thành Nghĩa;

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân Tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tỉnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023, về việc "Tranh chấp HNGĐ - ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 36/2023/QĐXX-ST ngày 26 tháng 12 năm 2023 giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh KUO, Y-Y, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 116/2, lộ T, khóm 010, phường T, khu Q, thành phố Đ, Đài Loan.

- *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị V, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 361A/4, ấp T, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh KUO, Y-Y có đơn xin xét xử vắng mặt, chị V có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn anh KUO, Y-Y trình bày:

- Về hôn nhân: Qua mai mối, anh KUO, Y-Y và chị V quen biết và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, số giấy chứng nhận đăng ký kết hôn: 62/2022 ngày 10/11/2022. Thời gian đầu, vợ chồng cố gắng tìm hiểu để có cuộc sống hạnh

phúc. Sau khi kết hôn, anh KUO, Y-Y ở lại Việt Nam được 02 tuần sau đó trở về Đài Loan và bảo lãnh chị V qua Đài Loan sinh sống, nhưng vợ chồng chỉ sống chung được khoảng 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, tình cảm dần phai nhạt, nên chị V trở về Việt Nam cho đến nay, hai bên không còn liên lạc với nhau. Anh KUO, Y-Y nhận thấy anh và chị V kết hôn quá vội vàng, hai bên không có thời gian tìm hiểu, không thể chung sống với nhau và cũng không có cách nào hàn gắn được. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn nên anh KUO, Y-Y quyết định chấm dứt hôn nhân với chị V và yêu cầu được ly hôn với chị Huỳnh Thị V.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Anh KUO, Y-Y có đơn yêu cầu được giải quyết vắng mặt anh trong các lần hòa giải cũng như trong các phiên tòa.

2. Bị đơn chị Huỳnh Thị V trình bày:

- Về hôn nhân: Chị V thừa nhận thời gian vợ chồng sống chung cũng như việc có đăng ký kết hôn như anh KUO, Y-Y trình bày. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn; chị V đồng ý ly hôn theo yêu cầu anh KUO, Y-Y

- Về con chung: Không có;

- Về tài sản chung: Không có;

- Về nợ chung: Không có;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Anh KUO, Y-Y và chị Huỳnh Thị V có đăng ký kết hôn tại UBND huyện Lai Vung, số giấy chứng nhận đăng ký kết hôn: 62/2022 ngày 10/11/2022, việc kết hôn của anh KUO, Y-Y và chị Huỳnh Thị V là phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 470 của Bộ luật tố tụng dân sự Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thì việc ly hôn giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam; Theo quy định tại Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vụ án ly hôn này được áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của anh KUO, Y-Y về việc xin được ly hôn với chị Huỳnh Thị V:

- Về hôn nhân giữa anh KUO, Y-Y và chị V là có tìm hiểu trước; quen nhau được một thời gian thì rồi quyết định tiến tới hôn nhân; Sau khi kết hôn, anh KUO, Y-Y ở lại Việt Nam 02 tuần sau đó trở về Đài Loan và làm thủ tục bảo lãnh chị V qua Đài Loan sinh sống, nhưng vợ chồng chỉ sống chung được khoảng 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, tình cảm dần phai nhạt nên chị V trở về Việt Nam cho đến nay, hai bên không còn liên lạc với nhau.

Còn chị V thì cũng thừa nhận thời gian quen biết, thời gian kết hôn như anh KUO, Y-Y trình bày, nay xét thấy giữa vợ chồng đã xảy ra quá nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nên chị V cũng thống nhất ly hôn theo yêu cầu của anh KUO, Y-Y.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân giữa anh KUO, Y-Y và chị V là có tìm hiểu trước nhưng chỉ được một thời gian rồi tiến tới hôn nhân, vì vậy khi bắt đầu cuộc sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh KUO, Y-Y yêu cầu được ly hôn với chị V là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

- Về con chung: anh KUO, Y-Y và chị V đều xác định không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện của anh KUO, Y-Y thì về tài sản trình bày là để vợ chồng tự thỏa thuận; còn chị V thì trình bày là không có. Tuy nhiên, về phần tài sản chung trong vụ án này, nguyên đơn và bị đơn chưa có yêu cầu vì vậy, hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Về nợ chung: Anh KUO, Y-Y và chị V đều xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh KUO, Y-Y phải chịu tiền án dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 147, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 470, và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của anh KUO, Y-Y.

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh KUO, Y-Y được ly hôn với chị Huỳnh Thị V;

+ Về con chung: Không có.

+ Về tài sản chung: Đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

+ Về nợ chung: Anh KUO, Y-Y và chị V đều xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Anh KUO, Y-Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0003047 ngày 15/12/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

- Nguyên đơn, anh KUO, Y-Y được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn, chị Huỳnh Thị V được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Phòng KTNV-THA TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cục THADS Tỉnh;
- UBND Huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Võ Trinh